

Bản án số: 73/2023/DSST
Ngày: 08-06-2023
V/v: Tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phước Mãng
2. Bà Vũ Thị Hiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2022/TLST- DS ngày 01/12/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 27/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở: 266-268 N.K.K.N, Phường V, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P.B.N, sinh năm 19XX và P.T.T, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: 278 N.K.K.N, Phường V, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1675/2023/UQ-TGD ngày 07/6/2023)

2. Bị đơn: Bà N.T.T.H, sinh năm: 19XX.

Địa chỉ: 853/6 H.B, Phường O, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/03/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng S có ông P.B.N và ông P.T.T đại diện trình bày:

Ngày 18/12/2007, Ngân hàng S và bà N.T.T.H đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng, như sau:

S đã cấp thẻ tín dụng số 435243-3714 ngày 18/12/2007 cho bà N.T.T.H với hạn mức thẻ: 15.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.75%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N.T.T.H đã giao dịch với tổng số tiền là 14.252.752 đồng và bà N.T.T.H đã thanh toán cho Ngân hàng được 100.000 đồng (thứ tự thanh toán như trong Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) và bà N.T.T.H không có thiện trí trả nợ tiếp cho ngân hàng.

Ngày 11/4/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà N.T.T.H tại Ngân hàng S là: 75.788.546 đồng

Nay Ngân hàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bao gồm:

Yêu cầu bà N.T.T.H phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2023 là 394.564.751 đồng, trong đó: Nợ gốc là 75.788.546 đồng; Lãi quá hạn 318.776.205 đồng.

Ngoài ra, bà N.T.T.H phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn là bà N.T.T.H: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà N.T.T.H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà N.T.T.H trình bày, bà H thừa nhận đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng như đại diện ngân hàng S trình bày. Bà H xác nhận hiện nay còn nợ ngân hàng S số tiền vốn 75.788.546 đồng và bà N.T.T.H không có khả năng trả nợ tiếp cho ngân hàng. Về phần tiền lãi bà H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hạn khởi kiện đối với số tiền lãi, bà H xin trả nợ gốc hàng tháng là hơn 1 triệu đồng do hiện nay bà H không có việc làm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự.

Về phần nội dung vụ án Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà N.T.T.H phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 75.788.546 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà N.T.T.H phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 318.776.205 đồng.

3. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng S thì đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu khởi kiện: Do bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng ngày 28/12/2007

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng ngày 28/12/2007 được ký kết giữa Ngân hàng S với bà H thì ngày 11/4/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà H tại S. Do đó, ngày 11/4/2010 được xác định là ngày quyền và lợi ích của Ngân hàng S bị xâm phạm và từ đó đến ngày 19/3/2021, Ngân hàng S và bà H cũng không có thỏa thuận gì khác, trong khoảng thời gian này Ngân hàng S đã không thực hiện quyền khởi kiện.

Căn cứ vào quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan quy định khác”. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là Tranh chấp dân sự “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng S số 435243-3714 ngày 18/12/2007 cho bà H với hạn mức thẻ: 15.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.75%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã giao dịch với tổng số tiền là 14.252.752 đồng và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 100.000 đồng (thứ tự thanh toán như trong Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) và bà H không có thiện trí trả nợ tiếp cho ngân hàng.

Ngày 11/4/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà N.T.T.H tại ngân hàng S là: 75.788.546 đồng

Tại phiên tòa bà H xác định có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng S số 435243-3714 ngày 18/12/2007 với hạn mức thẻ: 15.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân và tính đến ngày 08/6/2023 còn nợ như đại diện ngân hàng S trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử có sở xác định bà H có vay của Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 8/6/2023 là 75.788.546 đồng đến nay chưa trả. Nay Ngân hàng S yêu cầu bà H phải trả lại số tiền 75.788.546 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, buộc

bà H phải trả cho Ngân hàng S số tiền vốn là 75.788.546 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 155, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi đối với khoản vay này, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị đơn là phù hợp quy định theo khoản 2 Điều 184 của BLTTDS *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*. Điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì *“Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”*. Theo đó, tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện *“để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Xét từ thời điểm khoản nợ gốc của bà H bị quá hạn là ngày 11/4/2010 đến ngày 19/3/2021, ngân hàng S mới khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó yêu cầu của bị đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn của ngân hàng S theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng S không phải chịu án phí. Bà N.T.T.H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 149, khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 429, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí; Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S

Buộc bà N.T.T.H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ phát sinh từ việc giao dịch thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 28/12/2007 giữa Ngân hàng S và bà N.T.T.H tính đến ngày 08/6/2023 nợ gốc là 75.788.546 (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi sáu) đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với tiền lãi quá hạn là 318.776.205 đồng do hết thời hiệu khởi kiện.

Thi hành tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà N.T.T.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.789.427 (Ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng.

- Ngân hàng S không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.340.532 (Tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn, năm trăm ba mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền số 0052862 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy